

Chỉ số 04
XÁC ĐỊNH CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG
(Ban hành kèm theo Công văn số 414/UBND-VHXXH ngày 07/11/2025 của UBND xã Ea Wý)

STT	NỘI DUNG (*)	ĐIỂM TỐI ĐA	YÊU CẦU, TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
1	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO CHỨC NĂNG	45.0		
1.1	Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển về kinh tế	6.0		
1.1.1	Hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển kinh tế của cấp xã do cấp có thẩm quyền thông qua. (Số chỉ tiêu đã hoàn thành) <i>Điểm tính theo CT: _____ X 4</i> (Tổng số chỉ tiêu được giao trong kế hoạch năm)	4.0	Yêu cầu: (1) Căn cứ Nghị quyết của HĐND cấp xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương để xác định những chỉ tiêu về "Phát triển kinh tế" cần đạt được trong năm đánh giá; (2) Căn cứ Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm đánh giá của UBND cấp xã để xác định kết quả đạt được của những chỉ tiêu về "Phát triển kinh tế". TLKC: (1) Văn bản về chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (2) Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm của UBND cấp xã.	
1.1.2	Thu ngân sách trên địa bàn theo dự toán tỉnh giao: 2 điểm. - Vượt dự toán tỉnh giao từ 30% trở lên: 2 điểm; - Vượt dự toán tỉnh giao dưới 30%: điểm được tính theo công thức: [Tỷ lệ % thu ngân sách tăng thêm x 2]/30%. - Không đạt dự toán tỉnh giao: 0 điểm. <i>Lưu ý: Nếu chỉ tiêu về phát triển kinh tế được điều chỉnh giảm trong năm thì không được tính tiêu chỉ điểm cộng.</i>	2.0	Yêu cầu: Yêu cầu: (1) Căn cứ chỉ tiêu thu ngân sách UBND tỉnh giao đầu năm cho các xã, phường; (2) Căn cứ kết quả về tổng thu ngân sách trên địa bàn theo số liệu của Chi cục Thuế vùng XIV và Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm đánh giá của UBND xã, phường. TLKC: (1) Văn bản về chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (2) Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm của UBND cấp xã.	
1.2	Kết quả thực hiện nhiệm vụ Văn hóa - Xã hội	4.0		
1.2.1	- Hoàn thành các chỉ tiêu về văn hóa được cấp có thẩm quyền giao (Số chỉ tiêu hoàn thành) <i>Điểm tính theo công thức: _____ X 2</i> (Tổng số chỉ tiêu được giao)	2.0	Yêu cầu: (1) Căn cứ Nghị quyết của HĐND cấp xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương để xác định những chỉ tiêu về "Văn hóa" cần đạt được trong năm đánh giá; (2) Căn cứ Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm đánh giá của UBND cấp xã để xác định kết quả đạt được của những chỉ tiêu về "Văn hóa". TLKC: (1) Văn bản về chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (2) Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm của UBND cấp xã.	
1.2.2	- Hoàn thành các chỉ tiêu về xã hội được cấp có thẩm quyền giao (Số chỉ tiêu hoàn thành) <i>(Điểm tính theo công thức: _____ X 2</i> (Tổng số chỉ tiêu được giao)	2.0	Yêu cầu: (1) Căn cứ Nghị quyết của HĐND cấp xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương để xác định những chỉ tiêu về "Xã hội" cần đạt được trong năm đánh giá; (2) Căn cứ Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm đánh giá của UBND cấp xã để xác định kết quả đạt được của những chỉ tiêu về "Xã hội". TLKC: (1) Văn bản về chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (2) Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm của UBND cấp xã.	
1.3	Kết quả thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng - An ninh	4.0		
1.3.1	- Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng được cấp có thẩm quyền giao (Số chỉ tiêu hoàn thành) <i>(Điểm tính theo công thức: _____ X 2)</i> (Tổng số chỉ tiêu được giao)	2.0	TLKC: (1) Chỉ tiêu được giao; (2) Báo cáo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng; (3) Kết quả đánh giá, xếp loại của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.	
1.3.2	- Hoàn thành các chỉ tiêu về an ninh được cấp có thẩm quyền giao (Số chỉ tiêu hoàn thành) <i>(Điểm tính theo công thức: _____ X 2)</i> (Tổng số chỉ tiêu được giao)	2.0	TLKC: (1) Chỉ tiêu được giao; (2) Báo cáo thực hiện nhiệm vụ an ninh; (3) Kết quả đánh giá, xếp loại của Công an tỉnh.	

STT	NỘI DUNG (*)	ĐIỂM TỐI ĐA	YÊU CẦU, TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
1.4	Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong năm (trường hợp cơ quan, đơn vị không xác định được nhiệm vụ trọng tâm trong năm 0 điểm).	3.0	Yêu cầu: Ban hành Chương trình hành động/Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong năm theo Kế hoạch của UBND tỉnh về Chương trình hành động 01/CTr-UBND của UBND tỉnh V/v thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh hàng năm để làm cơ sở đánh giá, chấm điểm đối với nội dung này. TLKC: Các kế hoạch hoặc đề án, kết quả nhiệm vụ được giao... đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Điểm số được tính theo công thức: $\text{Điểm đạt được} = \frac{(\text{Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn})}{(\text{Tổng số nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch})} \times 3$	
1.5	Thực hiện các nhiệm vụ đột xuất trong năm - Nhiệm vụ đột xuất có xây dựng kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, có văn bản triển khai, có báo cáo kết quả thực hiện: 3 điểm. - Nhiệm vụ đột xuất có kế hoạch của cơ quan, có văn bản triển khai, có báo cáo kết quả: 1 điểm (tối đa không quá 3 điểm). - Có nhiệm vụ được giao nhưng không hoàn thành hoặc hoàn thành chưa đạt chất lượng: 0 điểm. - Trong năm cấp có thẩm quyền không giao nhiệm vụ đột xuất cho địa phương thì không thực hiện chấm điểm đối với nội dung này.	3.0	Yêu cầu: (1) Nhiệm vụ đột xuất là nhiệm vụ phát sinh trong năm (không có trong kế hoạch công tác năm); (2) Chỉ được tính điểm nhiệm vụ đột xuất năm đầu tiên, từ năm thứ 2 nhiệm vụ này vẫn được thực hiện thì tính vào nhiệm vụ tham mưu hoặc nhiệm vụ thường xuyên. TLKC: Kế hoạch hoặc đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện.	
1.6	Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.	2.0	Yêu cầu: Căn cứ kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh về tình hình thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; Điểm số được tính theo công thức: $\text{Điểm đạt được} = \frac{(\text{Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn})}{(\text{Tổng số nhiệm vụ được giao})} \times 2$ TLKC: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.	
1.7	Thực hiện công tác quản lý đất đai và môi trường: Thực hiện tốt 2 điểm; Thực hiện chưa tốt (nếu có 01 phản ánh kiến nghị và có ý kiến xác thực của cơ quan chức năng: 1 điểm; Có 2 phản ánh kiến nghị trở lên: 0 điểm.	2.0	Yêu cầu: (1) Căn cứ thẩm quyền quản lý đất đai và môi trường, UBND cấp xã xây dựng, ban hành các Văn bản để tổ chức thực hiện; (2) Kết hợp với kết quả theo dõi về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường để xác định điểm số đạt được. TLKC: (1) Báo cáo công tác quản lý về đất đai, môi trường; (2) Ý kiến thẩm định của Sở Nông nghiệp và Môi trường.	
1.8	Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn cấp xã Thực hiện tốt 2 điểm; Thực hiện chưa tốt (nếu có 01 phản ánh kiến nghị và có ý kiến xác thực của cơ quan chức năng: 1 điểm; Có 2 phản ánh kiến nghị trở lên: 0 điểm.	2.0	Yêu cầu: (1) Căn cứ thẩm quyền quản lý về công tác giải phóng mặt bằng, quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, UBND cấp xã xây dựng, ban hành các Văn bản để tổ chức thực hiện; (2) Kết hợp với kết quả theo dõi về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng để xác định điểm số đạt được. TLKC: (1) Báo cáo về công tác quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn; (2) Ý kiến thẩm định của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở xây dựng.	
1.9	Kết quả hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn phát triển	2.0		
1.9.1	Thực hiện các nội dung về đối thoại doanh nghiệp, nhà đầu tư	1.0	Yêu cầu: Hằng năm, địa phương tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp về cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường đối thoại doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn, tháo gỡ khó khăn,... TLKC: (1) Báo cáo kết quả về việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; các chương trình, kế hoạch, đề án...(được phân công) . (2) Các TLKC khác có liên quan. (3) Kết hợp với kết quả theo dõi về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính để xác định điểm số đạt được.	
1.9.2	Hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.	1.0	Yêu cầu: (1) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, UBND cấp xã xây dựng, ban hành các Văn bản để tổ chức thực hiện việc hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trên địa bàn; (2) Kết hợp với kết quả theo dõi về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính để xác định điểm số đạt được. TLKC: (1) Các Văn bản tổ chức, triển khai, thực hiện và Báo cáo kết quả triển khai của UBND cấp xã (2) Ý kiến thẩm định của Sở Tài chính.	
1.10	Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	4.0		

STT	NỘI DUNG (*)	ĐIỂM TỐI ĐA	YÊU CẦU, TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
1.10.1	Xây dựng chương trình, kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên hằng năm (<i>Chương trình, kế hoạch xác định đầy đủ các nhiệm vụ: 1 điểm; thể hiện đầy đủ nội dung: 1 điểm</i>); không có chương trình, kế hoạch không tính điểm.	2.0	Yêu cầu: (1) Chương trình, kế hoạch công tác năm do người đứng đầu cơ quan, đơn vị ban hành nhằm tổ chức, triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; (2) Đảm bảo đầy đủ các nhiệm vụ (<i>Theo quy định của pháp luật</i>); xác định rõ nội dung công việc phải hoàn thành, thời gian hoàn thành và có phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân chủ trì, tổ chức, cá nhân phối hợp. TLKC: Chương trình, kế hoạch năm (hoặc chương trình công tác tháng, quý, năm) được ban hành.	
1.10.2	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ liệt kê tại 1.10.1	2.0	Yêu cầu: (1) Cơ quan, đơn vị không ban hành được chương trình, kế hoạch công tác năm hoặc không có báo cáo tổng kết năm: 0 điểm; (2) Điểm số được tính theo công thức: $\text{Điểm đạt được} = \frac{(\text{Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn})}{(\text{Tổng số nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch})} \times 2$ TLKC: (1) Chương trình, kế hoạch năm (hoặc Chương trình công tác tháng, quý, năm); (2) Báo cáo tổng kết năm.	
1.11	Thực hiện các nội dung theo Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai các Nghị quyết, Chương trình hành động của Tỉnh ủy cụ thể hóa NQ ĐB tỉnh	2.0	Yêu cầu: Các cơ quan, đơn vị liệt kê và báo cáo các nhiệm vụ được giao trong 09 kế hoạch của UBND tỉnh triển khai các Nghị quyết và Chương trình hành động của Tỉnh ủy cụ thể hóa Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Điểm số được tính theo công thức: $\text{Điểm đạt được} = \frac{(\text{Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành})}{(\text{Tổng số nhiệm vụ được giao phải hoàn thành Tỉnh đến thời điểm báo cáo})} \times 2$ TLKC: Bảng liệt kê của cơ quan đơn vị và Báo cáo kết quả thực hiện kết quả các kế hoạch của UBND tỉnh và các TLKC khác có liên quan	
1.12	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công phối hợp (<i>Một chương trình phối hợp 0,5 điểm; tối đa không quá 2 điểm</i>).	2.0	Yêu cầu: (1) Công tác phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị đã được pháp luật quy định và yêu cầu công tác quản lý ngành, lĩnh vực, được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm phối hợp (<i>trong các chương trình, kế hoạch, đề án</i>); (2) Cơ quan, đơn vị tham mưu, hoặc phối hợp xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án...liên ngành để thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu quản lý; (3) Các nội dung phối hợp phải cụ thể, phân định rõ trách nhiệm và phải có báo cáo kết quả thực hiện đầy đủ theo phân công. TLKC: Chương trình, kế hoạch, đề án...(có nội dung phối hợp); Báo cáo kết quả thực hiện.	
1.13	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước <i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số tiền phải giải ngân theo kế hoạch b là số tiền đã giải ngân. Trường hợp tỷ lệ b/a<0,80 thì điểm đánh giá là 0 đ</i>	3.0	TLKC: Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước; các tài liệu khác có liên quan.	
1.14	Thực hiện các quy định về dân chủ cơ sở	2.0		
1.14.1	Thực hiện tổ chức triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác dân vận	0.5	TLKC: -Triển khai thực hiện các văn bản của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về công tác dân vận. (0,25 điểm) - Cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về công tác dân vận trong các văn bản, kế hoạch, chương trình, đề án...để áp dụng tại cơ quan, đơn vị đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý và khả thi. (0,25 điểm)	
1.14.2	Công tác vận động nhân dân, thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo”	0.5	TLKC: - Hàng năm, mỗi địa phương tổ chức ít nhất 02 hoạt động, mỗi cơ quan, đơn vị tổ chức ít nhất 01 hoạt động về công tác dân vận nhằm giúp đỡ nhân dân trên các lĩnh vực đời sống xã hội, cụ thể như: Những việc làm nhằm giúp dân phát triển kinh tế, giảm nghèo, hỗ trợ bà con chăn nuôi, lao động sản xuất; công trình giao thông công cộng, xây và sửa chữa nhà tình nghĩa, nhà tình thương, hỗ trợ người có công, gia đình chính sách, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn... (0,25 điểm) - Tổ chức xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình trong phong trào thi đua “Dân vận khéo” tại cơ quan, đơn vị; thường xuyên theo dõi, định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân thực hiện tốt phong trào; đưa phong trào thi đua “Dân vận khéo” đi vào hoạt động hiệu quả, nề nếp; Thường xuyên giới thiệu, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, điển hình “Dân vận khéo” trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các đợt sinh hoạt cơ quan, đơn vị. (0,25 điểm)	

STT	NỘI DUNG (*)	ĐIỂM TỐI ĐA	YÊU CẦU, TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
1.14.3	Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở	0.5	TLKC: Thường xuyên kiện toàn, củng cố, phát huy vai trò tham mưu, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra của Ban Chi đạo thực hiện QCDC ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị; Ban hành (hoặc sửa đổi, bổ sung) đầy đủ các loại văn bản như: Nghị quyết, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế làm việc, quy chế thi đua, khen thưởng...	
1.14.4	Tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, CBCCVC, người lao động và nhân dân tham gia quản lý nhà nước	0.5	TLKC: Cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành cơ chế, tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, CBCCVC, người lao động và Nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 22/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) về “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị-xã hội” và “Quy định về Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị-xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng chính quyền”. Phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của đoàn viên và Nhân dân với cấp ủy và chính quyền.	
1.15	Thực hiện các quy định về công tác VTLT	2.0		
1.15.1	Ban hành và thực hiện kế hoạch công tác văn thư, lưu trữ hàng năm (<i>Có ban hành kế hoạch công tác văn thư lưu trữ; nội dung bám sát kế hoạch của cơ quan cấp trên, đúng thực tế của cơ quan và triển khai có hiệu quả kế hoạch: 1 điểm; Không ban hành và triển khai hiệu quả kế hoạch: 0 điểm</i>)	1.0	Yêu cầu: ban hành đầy đủ kế hoạch công tác văn thư, lưu trữ trong quý I hàng năm/ngay sau sắp xếp TCBM; nội dung bám sát kế hoạch của cơ quan cấp trên, đúng thực tế của cơ quan.	
1.15.2	Lập hồ sơ công việc đảm bảo chất lượng kể cả hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử	1.0	Yêu cầu: có 50% - 100% hồ sơ được kiểm tra đủ và đúng thông tin: tiêu đề hồ sơ, thời hạn bảo quản, thời gian bắt đầu và kết thúc hồ sơ, thư mục (đối với hồ sơ điện tử) hoặc ghi đúng tên phòng trên bìa hồ sơ (đối với hồ sơ giấy)	
1.16	Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	2		
1.16.1	Ban hành Kế hoạch để triển khai thực nhiệm vụ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (<i>Ban hành đúng quy định, đảm bảo chất lượng: 0,5 điểm; Không ban hành: 0 điểm</i>).	0.5	Yêu cầu: Kế hoạch phải đảm bảo đầy đủ nội dung, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể; số lượng công việc, thời gian hoàn thành; trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp. TLKC: Kế hoạch đã duyệt triển khai.	
1.16.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (<i>Đạt 100% nội dung chương trình/kế hoạch đã đề ra: 1,5 điểm; Đạt từ 75% đến dưới 100%: 0,5 điểm; đạt dưới 75%: 0 điểm</i>).	1.5	Yêu cầu: $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Tổng số nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành đúng hạn})}{(\text{Tổng số nhiệm vụ theo kế hoạch})} \times 100$ TLKC: Kế hoạch, Báo cáo về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị. Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Khoa học và Công nghệ.	
2	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, XÂY DỰNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ HOẠT ĐỘNG HIỆU LỰC, HIỆU NĂNG, HIỆU QUẢ	35.0		
2.1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC	7.0		
2.1.1	Việc ban hành kế hoạch CCHC năm (<i>Ban hành đúng thời gian: 0,5 điểm; Kế hoạch đảm bảo chất lượng cộng thêm: 0,5 điểm</i>).	1.0	Kế hoạch CCHC của địa phương ban hành xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC (theo chương trình tổng thể CCHC của Chính phủ và Kế hoạch CCHC giai đoạn của tỉnh); xác định kết quả đầu ra cụ thể; phân công rõ trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện; xác định rõ thời gian phải hoàn thành. Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Nếu tỷ lệ b/a <0,8 thì điểm đánh giá là 0 TLKC: Kế hoạch CCHC năm; Báo cáo CCHC năm; Bảng thống kê các nhiệm vụ đã hoàn thành bằng sản phẩm cụ thể.	

STT	NỘI DUNG (*)	ĐIỂM TỐI ĐA	YÊU CẦU, TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
2.1.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch CCHC (Đạt 100% nội dung chương trình/kế hoạch đã đề ra: 01 điểm; Đạt từ 80% đến dưới 100%: 0,5 điểm; đạt dưới 80%: 0 điểm).	1.0	Yêu cầu: $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Tổng số nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành đúng hạn})}{(\text{Tổng số nhiệm vụ theo kế hoạch})} \times 100$ TLKC: Kế hoạch CCHC năm, Báo cáo CCHC năm.	
2.1.3	Thực hiện chế độ báo cáo: - Thực hiện các báo cáo CCHC theo định kỳ: hàng tháng, hàng quý, 06 tháng và báo cáo năm đầy đủ, đúng theo quy định: 0,5 điểm. - Thực hiện các báo chuyên đề về CCHC trong năm đầy đủ, đúng theo quy định: 0,5 điểm.	1.0	Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ nội dung và gửi đúng thời gian quy định. TLKC: Các báo cáo định kỳ đột xuất đã được các cơ quan có thẩm quyền quy định.	
2.1.4	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ tuyên truyền CCHC (Đạt 100% nội dung chương trình/kế hoạch đã đề ra: 0,5 điểm; Đạt từ 90% đến dưới 100%: 0,25 điểm; đạt dưới 90%: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Kế hoạch tuyên truyền CCHC của cơ quan, đơn vị có thể được ban hành riêng, hoặc được xây dựng thành 01 nội dung trong Kế hoạch CCHC năm; về chất lượng: Cần xác định kết quả đầu ra cụ thể; phân công rõ trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện; xác định rõ thời gian phải hoàn thành những nhiệm vụ cấp trên giao và nhiệm vụ đề ra $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Số nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành})}{(\text{Tổng số nhiệm vụ, sản phẩm trong kế hoạch})} \times 100$ TLKC: Các báo cáo CCHC định kỳ trong đó có kết quả tuyên truyền; hoặc tài liệu kiểm chứng khác (nếu có) .	
2.1.5	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC trong năm (Trên 30% số cơ quan, đơn vị được thanh tra, kiểm tra trong năm: 0,5 điểm; Từ 20 - 30%: 0,25 điểm, Dưới 20%: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Tổng số cơ quan, đơn vị được thanh tra, kiểm tra trong năm})}{(\text{Tổng số cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã})} \times 100$ TLKC: Kế hoạch thanh tra, kiểm tra; Các thông báo kết luận kiểm tra.	
2.1.6	Xử lý các vấn đề phát hiện sau thanh tra, kiểm tra CCHC (100% các vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm; Từ 85% - dưới 100%: 0,5 điểm; Dưới 85%: 0 điểm).	1.0	Yêu cầu: $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Tổng số vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý})}{(\text{Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra})} \times 100$ TLKC: Các thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra; các văn bản xử lý theo thẩm quyền hoặc đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra.	
2.1.7	Tổ chức, triển khai, thực hiện đầy đủ và có hiệu quả ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh về các chỉ số liên quan đến công tác CCHC	1.0	Yêu cầu: Căn cứ ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, cơ quan, đơn vị xây dựng, ban hành Văn bản để tổ chức, triển khai thực hiện đảm bảo đầy đủ các nội dung. TLKC: Văn bản tổ chức, triển khai thực hiện của cơ quan, đơn vị; Báo cáo kết quả triển khai, thực hiện.	
2.1.8	Thực hiện khắc phục các hạn chế yếu kém được chỉ ra tại Hội nghị UBND tỉnh hàng tháng hoặc chỉ ra tại các báo cáo phân tích liên quan của cơ quan chuyên môn theo dõi các lĩnh vực CCHC (không tính những nhiệm vụ tại mục 2.1.6)	1.0	Yêu cầu: Thực hiện đúng nội dung, tiến độ yêu cầu tại các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh/Thông báo kết luận của Trưởng Ban Chỉ đạo CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong việc khắc phục các hạn chế yếu kém. TLKC: Báo cáo CCHC định kỳ, bảng liệt kê các nhiệm vụ, kết quả khắc phục	
2.2	Thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (VB QPPL) thuộc phạm vi quản lý	2.0		
2.2.1	Phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý (Hoàn thành 100% kế hoạch đạt: 1 điểm; Đạt từ 85% đến dưới 100%: 0,5 điểm; đạt dưới 85%: 0 điểm).	1.0	Yêu cầu: $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Số nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành})}{(\text{Tổng số nhiệm vụ, sản phẩm trong kế hoạch})} \times 100$ TLKC: Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật; Báo cáo công tác phổ biến giáo dục pháp luật của cơ quan, đơn vị.	
2.2.2	Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật (Thực hiện đầy đủ, đúng quy định đạt 0,5 điểm; Thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng quy định 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Kế hoạch được ban hành đúng về thời gian và nội dung; Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình THPL theo thẩm quyền (nếu có sai phạm). TLKC: Kế hoạch công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; các văn bản khác có liên quan.	

STT	NỘI DUNG (*)	ĐIỂM TỐI ĐA	YÊU CẦU, TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
2.2.3	Công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL (Thực hiện đầy đủ, đúng quy định đạt 0,5 điểm; Thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng quy định 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Kế hoạch phải đảm bảo đúng yêu cầu về nội dung và thời gian ban hành; Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. TLKC: Kế hoạch công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của UBND cấp xã; các văn bản khác có liên quan.	
2.3	Cải cách TTHC	5.0		
2.3.1	Ban hành Kế hoạch Kiểm soát TTHC (Thực hiện đầy đủ, đúng quy định đạt 0,5 điểm; Thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng quy định 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Kế hoạch phải được ban hành đúng về nội dung và thời gian theo quy định của UBND tỉnh. TLKC: Kế hoạch Kiểm soát TTHC của UBND cấp xã.	
2.3.2	Cập nhật, công khai tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã, phường (100% TTHC được cập nhật, công khai kịp thời: 0,5 điểm; Từ 85% dưới 100%: 0,25 điểm; Dưới 85%: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Tổng số TTHC được cập nhật, công khai})}{(\text{Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã theo quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh})} \times 100$ TLKC: Báo cáo kết quả của cơ quan, đơn vị hoặc tài liệu kiểm chứng có liên quan.	
2.3.3	Cập nhật, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp xã (100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã được cập nhật, đăng tải trên trang thông tin điện tử của cấp xã: 0,5 điểm; Từ 85% - dưới 100%: 0,25 điểm; Dưới 85%: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Tổng số TTHC được cập nhật, công khai trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp xã})}{(\text{Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết theo quyết định công bố bộ TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh})} \times 100$ - Cung cấp các đường link công khai TTHC trên Trang thông tin điện tử của cấp xã. TLKC: (1) Báo cáo kết quả của cơ quan, đơn vị hoặc tài liệu kiểm chứng có liên quan; (2) Kết quả kiểm tra trực tiếp trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp xã.	
2.3.4	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế một cửa tại UBND xã, phường (100% TTHC thuộc thẩm quyền được đưa vào giải quyết theo cơ chế một cửa: 0,5 điểm; Từ 80% - dưới 100%: 0,25 điểm; Dưới 80%: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Tổng số TTHC được đưa vào giải quyết theo cơ chế một cửa tại UBND xã, phường})}{(\text{Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết theo quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh})} \times 100$ Lưu ý: Trừ một số TTHC không thực hiện tại Bộ phận một cửa theo điều 14 Nghị định 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. TLKC: Văn bản triển khai; Báo cáo của cơ quan, đơn vị hoặc tài liệu kiểm chứng có liên quan.	
2.3.5	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá: 0,5 điểm; Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP. TLKC: Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC; hoặc tài liệu khác có liên quan.	
2.3.6	Kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã (100% số hồ sơ TTHC được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả đúng hạn và trước hạn: 1,5 điểm; Từ 95% đến dưới 100% được tính theo công thức: [Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn x 1,0]/100%; Dưới 95%: 0 điểm).	2.0	Yêu cầu: $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Tổng số hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn})}{(\text{Tổng số hồ sơ được tiếp nhận tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã})} \times 100$ TLKC: Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm	
2.3.7	Thực hiện việc xin lỗi tổ chức, cá nhân khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (100% số hồ sơ quá hạn được thực hiện gửi văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân: 0,5 điểm; Từ 70% - dưới 100%: 0,25 điểm; Dưới 70 %: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết, trong thời hạn chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết hồ sơ phải thông báo bằng văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân (Trường hợp trong năm đánh giá, không có hồ sơ quá hạn thì đánh giá là 0,5 điểm). $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Số hồ sơ quá hạn được cơ quan gửi văn bản xin lỗi})}{(\text{Tổng số hồ sơ quá hạn giải quyết trong năm đánh giá})} \times 100$ TLKC: Báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC; các văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân; hoặc các tài liệu khác có liên quan.	

STT	NỘI DUNG (*)	ĐIỂM TỐI ĐA	YÊU CẦU, TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
2.4	Cải cách tổ chức bộ máy	3.0		
2.4.1	Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp xã (Thực hiện đúng theo quy định của Trung ương và của tỉnh: 1 điểm; Thực hiện chưa đúng theo quy định của Trung ương và của tỉnh: 0 điểm).	1.0	Yêu cầu: Triển khai các nội dung về sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị theo các văn bản của Trung ương và hướng dẫn của tỉnh. TLKC: Các Văn bản liên quan đến việc thành lập, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy; Báo cáo kết quả thực hiện.	
2.4.2	Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp xã (Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm; Thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Thực hiện theo các quy định mới tại Nghị định 150/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ. TLKC: Báo cáo thông kê về số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp xã; Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.	
2.4.3	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính (Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Thống kê tổng số biên chế hành chính của UBND cấp xã có mặt đến thời điểm quý IV của năm đánh giá và tổng số biên chế hành chính được giao đầu năm đánh giá. TLKC: Quyết định giao chỉ tiêu biên chế hành chính; Báo cáo thống kê kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá, hoặc tài liệu khác có liên quan.	
2.4.4	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp xã (Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Thống kê tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các ĐVSN công lập thuộc UBND cấp xã có mặt đến thời điểm quý IV của năm đánh giá và tổng số người làm việc được giao đầu năm đánh giá. TLKC: Quyết định giao số lượng người làm việc trong các ĐVSN công lập; Báo cáo kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá; các báo cáo thống kê liên quan; hoặc tài liệu khác có liên quan.	
2.4.5	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý (Thực hiện đúng theo quy định: 0,5 điểm; Không thực hiện đúng các quy định: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định của bộ, ngành, của tỉnh về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước. TLKC: Các văn bản tổ chức triển khai thực hiện.	
2.5	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CB, CC, VC	6.0		
2.5.1	Thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm đảm bảo nội dung, thời gian quy định	0.75	100% Đề án VTVL của UBND cấp xã và đơn vị trực thuộc xây dựng đảm bảo nội dung và thời gian theo quy định.	
2.5.2	Thực hiện cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt (Thực hiện đúng: 0,75 điểm; thực hiện không đúng: 0 điểm).	0.75	Yêu cầu: Hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được UBND tỉnh phê duyệt. Bỏ trí công chức đúng vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với từng vị trí. TLKC: Báo cáo của cơ quan, đơn vị hoặc tài liệu khác có liên quan; Gửi đại diện 5 Bản mô tả công việc và 5 Khung năng lực theo vị trí việc làm hoặc theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định.	
2.5.3	Bổ nhiệm mới vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND cấp xã (Thực hiện bổ nhiệm đúng quy định: 0.75 điểm; thực hiện bổ nhiệm chưa đúng quy định: 0 điểm).	0.75	Yêu cầu: (1) Việc bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc UBND cấp xã phải bảo đảm về tiêu chuẩn, điều kiện và tuân thủ đúng quy trình theo các quy định của Trung ương, của tỉnh (2) Thống kê danh sách lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND cấp xã được bổ nhiệm mới trong năm (Trong năm không thực hiện bổ nhiệm mới lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND cấp xã được đánh giá 0.25 điểm) . TLKC: Hồ sơ bổ nhiệm; Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong năm; Kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.	
2.5.4	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (Thực hiện đúng quy định: 0.75 điểm; thực hiện không đúng quy định: 0 điểm).	0.75	Yêu cầu: Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định (Trong năm không tuyển dụng thì đánh giá 0.25 điểm). TLKC: Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng...).	
2.5.5	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị SNCL thuộc UBND cấp xã (Thực hiện đúng quy định: 0.5 điểm; thực hiện không đúng quy định: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị SNCL trực thuộc phải tuân thủ đúng quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành (Trong năm không tuyển dụng thì đánh giá 0.25 điểm). TLKC: Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng...); Báo cáo kết quả tuyển dụng.	
2.5.6	Mức độ thực hiện chính sách tinh giản biên chế trong năm đánh giá theo quy định (Thực hiện đảm bảo 100% theo kế hoạch: 0,5 điểm; Thực hiện dưới 100% theo kế hoạch: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Số người tinh giản biên chế thực tế trong năm đánh giá})}{(\text{Tổng số biên chế dự kiến tinh giản trong kế hoạch})} \times 100$ TLKC: Kế hoạch tinh giản biên chế (hoặc Đề án Tinh giản biên chế) của cơ quan; Báo cáo kết quả tinh giản biên chế; hoặc các tài liệu khác liên quan.	

STT	NỘI DUNG (*)	ĐIỂM TỐI ĐA	YÊU CẦU, TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
2.5.7	Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo KH của tỉnh <i>(Tham gia đầy đủ và thực hiện đúng quy định, nội quy, quy chế đạt: 0,5 điểm; Tham gia không đầy đủ hoặc thực hiện chưa đúng quy định, nội quy, quy chế: 0 điểm).</i>	0.5	Yêu cầu: Cán bộ, công chức, viên chức cần tham gia đầy đủ và thực hiện đúng quy định, nội quy, quy chế của các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch hằng năm của tỉnh. TLKC: (1) Báo cáo kết quả công tác đào tạo bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị; hoặc các tài liệu khác liên quan; (2) Kết quả theo dõi, tổng hợp của Sở Nội vụ.	
2.5.8	Thực hiện, rà soát, cập nhật thông tin dữ liệu vào phần mềm quản lý hồ sơ CB,CC,VC <i>(Thực hiện đúng quy định 0,5 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm).</i>	0.5	Yêu cầu: Các cơ quan, đơn vị thường xuyên rà soát, cập thông tin dữ liệu vào phần mềm quản lý hồ sơ CB,CC,VC. TLKC: Báo cáo kết quả quản lý hồ sơ CB,CC,VC; kiểm tra thực tế trên phần mềm của Hội đồng thẩm định.	
2.5.9	Thực hiện đánh giá chất lượng CBCCVVC của cơ quan, đơn vị	1.0	Yêu cầu: - Thực hiện theo đúng trình tự thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định: 0,5 điểm; - Xây dựng và thực hiện bộ tiêu chí đánh giá chất lượng CBCCVVC của cơ quan, đơn vị: 0,5 điểm. TLKC: Báo cáo kết quả quản lý hồ sơ CB,CC,VC; kiểm tra thực tế trên phần mềm của Hội đồng thẩm định; các TLKC khác có liên quan.	
2.6	Cải cách tài chính công	4.0		
2.6.1	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách <i>(thực hiện 100% các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: 0,5đ, chưa thực hiện đầy đủ: 0 đ)</i>	0.5	TLKC: Báo cáo tình hình thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách và theo dõi của Sở Tài chính	
2.6.2	Đánh giá việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc <i>(Báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định và gửi đúng thời hạn: 0,5 điểm; Báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc không gửi báo cáo: 0 điểm).</i>	0.5	Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định. TLKC: Báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ của cơ quan, đơn vị.	
2.6.3	Thực hiện công khai tài chính của UBND cấp xã <i>(Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm; Thực hiện không đúng quy định: 0 điểm).</i>	0.5	Yêu cầu: Thực hiện công khai tài chính đúng quy định. TLKC: Báo cáo của cơ quan, đơn vị; hoặc các tài liệu kiểm chứng khác có liên quan.	
2.6.4	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	1.0		
-	<i>Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của địa phương về quản lý, sử dụng tài sản công (Đã ban hành đầy đủ theo quy định: 0,5đ; Chưa ban hành đầy đủ theo quy định: 0đ)</i>	0.5	Yêu cầu: Thực hiện đúng quy định tại Khoản 2 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công của Chính phủ và hướng dẫn của ngành Tài chính, của tỉnh TLKC : Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công; văn bản khác có liên quan; Kết quả theo dõi của Sở Tài chính	
-	<i>Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công (Có kiểm tra và kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: 0,5đ; Không kiểm tra kiến nghị xử lý: 0đ)</i>	0.5	TLKC: Kế hoạch kiểm tra; Biên bản kiểm tra; Thông báo kết luận kiểm tra về quản lý, sử dụng tài sản công; báo cáo tình hình quản lý sử dụng tài sản công	
2.6.5	Công tác quyết toán dự án hoàn thành đảm bảo thời gian quy định trên 95%	1.0		
2.6.6	Sử dụng kinh phí tiết kiệm được để bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động <i>(thu nhập tăng thêm đạt từ 30% trở lên: 0,5 điểm; đạt từ 10% đến dưới 30%: 0,25 điểm; đạt dưới 10%: 0 điểm).</i>	0.5	Yêu cầu: (1) Giải trình rõ bằng văn bản về kết quả thu nhập tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức trong năm đánh giá. <i>(Tổng thu nhập tăng thêm của năm)</i> $(2) \text{ Tính tỷ lệ \%} = \frac{\text{}}{\text{(Tổng quỹ tiền lương của năm đánh giá)}} \times 100$ TLKC: (1) Quy chế chi tiêu nội bộ được phê duyệt; (2) Tài liệu giải trình khác <i>(Nếu có)</i> .	
2.7	Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số (XD CQĐT, CQS)	8.0		

STT	NỘI DUNG (*)	ĐIỂM TỐI ĐA	YÊU CẦU, TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
2.7.1	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) - 100% các phòng, ban và tương đương có tỷ lệ hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt tỷ lệ quy định hàng năm: 0,5 đ - Dưới 100% các phòng, ban và tương đương có tỷ lệ hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt dưới tỷ lệ quy định hàng năm: 0đ	0.5	- Báo cáo ứng dụng CNTT của địa phương; Báo cáo việc thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ; TLKC: khác nếu có.	
2.7.2	Sử dụng hệ thống thông tin báo cáo của TW, tỉnh - Thực hiện đầy đủ nội dung và tiến độ cập nhật báo cáo lên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, TW theo quy định: 0,5 đ	0.5	- Báo cáo ứng dụng CNTT của địa phương; Báo cáo việc thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ; TLKC: khác nếu có.	
2.7.3	Trang TTĐT đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định và cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin hoạt động	0.5	- Báo cáo ứng dụng CNTT của địa phương; Báo cáo việc thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ; TLKC: khác nếu có.	
2.7.4	Thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC - Thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và giá trị sử dụng theo đúng lộ trình quy định: 0,5 đ - Thực hiện số hóa hồ sơ TTHC được tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả trong năm đánh giá theo đúng quy định: 0,5 đ	1.0	- Báo cáo ứng dụng CNTT của địa phương; Báo cáo việc thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ; TLKC: khác nếu có.	
2.7.5	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được chứng thực bản sao điện tử từ bản chính theo đúng quy định (Tỷ lệ hồ sơ TTHC được chứng thực 100%: 1đ; Tỷ lệ hồ sơ TTHC được chứng thực đạt từ 80% đến dưới 100%: 0,5đ; Dưới 80%: 0đ)	1.0	Yêu cầu: Thực hiện theo đúng Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về một số chỉ tiêu cải cách TTHC trong năm 2024 TLKC: Thống kê số hồ sơ TTHC được chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên tổng số hồ sơ được chứng thực trong kỳ đánh giá; Báo cáo kết quả thực hiện có thể hiện nội dung theo yêu cầu của tiêu chí; Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tư pháp.	
2.7.6	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình Tính điểm theo công thức: $b/a \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình. b là số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Nếu $b/a < 0,90$ thì điểm đánh giá là 0 đ.	1.0	- Báo cáo ứng dụng CNTT của địa phương; Báo cáo việc thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ; TLKC: khác nếu có.	
2.7.7	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVC trực tuyến toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến) b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy)	1.5	- Báo cáo ứng dụng CNTT của địa phương; Báo cáo việc thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ; TLKC: khác nếu có.	
2.7.8	Thực hiện thanh toán trực tuyến - Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến: 0,5 đ Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến - Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 0,5 đ Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến - Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 1 đ Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	2.0	- Báo cáo ứng dụng CNTT của địa phương; Báo cáo việc thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ; TLKC: khác nếu có.	
3	ĐIỂM CỘNG	3.0		
3.1	Cơ quan có thành tích xuất sắc được khen thưởng: Đạt Cờ của Chính phủ; đạt Cờ của tỉnh, của bộ ngành; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.	1.0	Yêu cầu: các thành tích được khen thưởng tính của năm trước liền kề (Ví dụ: Thành tích được cấp có thẩm quyền Quyết định khen thưởng trong năm 2023 sẽ được tính điểm đánh giá năm 2024). TLKC: Quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền.	

STT	NỘI DUNG (*)	ĐIỂM TỐI ĐA	YÊU CẦU, TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
3.2	Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ, tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phát triển năng lực cá nhân	1.0	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị có quy định bằng Văn bản quy định chế độ khuyến khích, hỗ trợ, tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phát triển tối đa năng lực cá nhân thông qua các hình thức như: Qua lương, thưởng; thông qua công việc; thông qua môi trường làm việc... TLKC: (1) Văn bản quy định về cơ chế khuyến khích, tạo động lực; (2) Báo cáo giải trình.	
3.3	Có sáng kiến từ cấp tỉnh trở lên được áp dụng và được cơ quan có thẩm quyền công nhận	1.0	Yêu cầu: Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và phải được cơ quan có thẩm quyền Quyết định công nhận. TLKC: Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	
4	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THÔNG QUA ĐIỀU TRA KHẢO SÁT	12.0		
4.1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát	5.0	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát (<i>Do Sở Nội vụ thực hiện</i>)	
4.2	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về sự phục vụ của cơ quan, đơn vị (SIPAS)	5.0	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát (<i>Do Sở Nội vụ thực hiện</i>)	
4.3	Mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC	2.0	Dựa vào Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng DVC Quốc gia (<i>Do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp</i>)	
5	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CỦA CHỦ TỊCH, CÁC PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH	5.0	Theo phiếu đánh giá dành cho CT và các PCT UBND tỉnh. Điểm nội dung này là trung bình cộng của điểm số 05 đ/c lãnh đạo UBND tỉnh	
6	ĐIỂM TRỪ			
6.1	Đã xảy ra vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.	Trừ 1 điểm	TLKC: Có kết luận của cơ quan có thẩm quyền (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).	
6.2	Đã xảy ra vi phạm một trong những việc công chức, viên chức không được làm quy định tại các Điều 14 Mục 4 Luật Cán bộ, công chức và Điều 19 Luật Viên chức và Đề cán bộ, công chức, viên chức có hành vi tham nhũng theo quy định tại Điều 2 Luật Phòng chống tham nhũng mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.	Trừ 1 điểm	TLKC: Có kết luận của cơ quan chức năng hoặc bằng chứng xác thực (Sở Nội vụ chủ trì phối hợp Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng)	
6.3	Có vụ việc khiếu nại, tố cáo đã giải quyết theo thẩm quyền nhưng người khiếu nại, người tố cáo vẫn tiếp tục khiếu nại, tố cáo lên cấp trên mà kết quả giải quyết của cơ quan cấp trên là công nhận hoặc công nhận một phần đối với nội dung khiếu nại, tố cáo đó (trừ 0,5 điểm cho 01 vụ việc khiếu nại, tố cáo được cơ quan cấp trên công nhận hoặc công nhận một phần và tối đa 01 điểm cho 02 vụ việc khiếu nại, tố cáo trở lên được cơ quan cấp trên công nhận hoặc công nhận một phần.	Tối đa trừ 1 điểm	TLKC: Kết luận của cơ quan có thẩm quyền (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).	
6.4	Đề Chủ tịch UBND tỉnh, hoặc cấp có thẩm quyền có văn bản phê bình, nhắc nhở về việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao; chương trình, kế hoạch, đề án... đến hạn mà chưa hoàn thành.	Mỗi nội dung bị nhắc nhở, bị chậm trừ 1 điểm	TLKC: Văn bản phê bình, nhắc nhở (<i>Văn phòng UBND tỉnh thu thập và cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).	
6.5	Đề cán bộ, công chức, viên chức gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu làm cản trở cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.	Mỗi một ý kiến phản ánh bị trừ 1 điểm	TLKC: Có kết luận của cơ quan có thẩm quyền (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>) hoặc có bằng chứng xác thực khác.	
	TỔNG ĐIỂM	100.0		